

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MINH HƯNG QUẢNG TRỊ**

Số: 19 /CBTT-GMH

“V/v công bố Báo cáo tài chính
đã được kiểm toán năm 2021”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quảng Trị, ngày 22 tháng 03 năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ “Công ty”**
2. Mã chứng khoán: **GMH**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Km 8, Quốc lộ 9, Phường 4, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
4. Điện thoại: 0233 3582 460 Fax: 0233 3584 809

5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ông Đặng Sĩ Tiếp**; Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị.

6. Loại thông tin công bố: 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

7. Nội dung công bố thông tin:

Công bố Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01-DN);
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02-DN);
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03-DN);
- Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu B 09-DN).

8. Thông tin trên được chúng tôi công bố trên website của công ty theo đường dẫn: <http://minhhungqt.vn/baocao/baocaotaichinh/>

CTCP Minh Hưng Quảng Trị cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, BTGD (để b/c);
- Lưu KTTT, ĐT.

NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐẶNG SĨ TIẾP

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 26

300
CÔNG
CỔ P
HINH
QUẢ
M QU

1001
CÔ
T
DEL
VIỆ
VG E

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Thành viên
Ông Trần Cảnh Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021)
Ông Trương Đức Trí	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021)
Ông Phạm Minh Thạnh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021)
Bà Lê Thị Diệu Trinh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Cảnh Bình	Tổng Giám đốc
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Sĩ Tiếp	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Đình Sung

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Số: 0753 /VN1A-HN BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng Trị (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác, với báo cáo kiểm toán đề ngày 06 tháng 02 năm 2021 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4370-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		171.789.505.147	173.270.603.676
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.383.921.950	55.938.799.603
1. Tiền	111	4	11.383.921.950	55.938.799.603
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		101.434.599.720	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5	3.434.599.720	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	98.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.719.419.624	66.717.786.187
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	10.791.921.351	14.612.631.161
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	149.400.260	4.538.644.630
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	27	-	50.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		75.583.000	255.584.500
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.297.484.987)	(2.689.074.104)
IV. Hàng tồn kho	140	10	49.063.178.675	49.993.237.950
1. Hàng tồn kho	141		49.403.889.183	50.449.415.478
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(340.710.508)	(456.177.528)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		188.385.178	620.779.936
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	188.355.178	619.279.936
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	30.000	1.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		38.511.272.400	7.030.469.364
I. Tài sản cố định	220		36.682.488.276	5.624.440.067
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	36.682.488.276	5.624.440.067
- Nguyên giá	222		107.011.855.560	71.721.822.531
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(70.329.367.284)	(66.097.382.464)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		355.254.546	355.254.546
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	355.254.546	355.254.546
III. Tài sản dài hạn khác	260		1.473.529.578	1.050.774.751
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.473.529.578	1.050.774.751
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		210.300.777.547	180.301.073.040

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		9.872.965.933	10.485.339.612
I. Nợ ngắn hạn	310		9.872.965.933	10.485.339.612
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.189.251.205	6.055.427.849
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		176.029.975	139.966.671
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.488.782.658	93.937.331
4. Phải trả người lao động	314		3.803.582.407	3.054.074.636
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		352.000.000	187.009.962
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	16	499.932.721	584.686.196
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		363.386.967	370.236.967
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		200.427.811.614	169.815.733.428
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	200.427.811.614	169.636.725.348
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		165.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết 411a			165.000.000.000	160.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.811.962.000	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		678.000.000	678.000.000
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		371.000.000	371.000.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		28.566.849.614	8.587.725.348
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước 421a			837.725.347	34.600.500
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay 421b			27.729.124.267	8.553.124.848
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	179.008.080
1. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	179.008.080
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		210.300.777.547	180.301.073.040



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Đinh Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

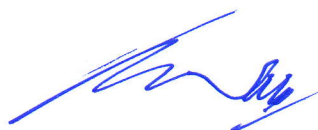
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	165.243.440.732	118.336.839.117
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10		165.243.440.732	118.336.839.117
3. Giá vốn hàng bán	11	21	124.880.306.159	95.921.682.733
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		40.363.134.573	22.415.156.384
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	4.290.735.133	193.245.715
6. Chi phí tài chính	22		167.700.127	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		167.700.127	-
7. Chi phí bán hàng	25	24	5.633.155.888	5.006.921.922
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	6.222.826.478	7.380.207.360
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		32.630.187.213	10.221.272.817
10. Thu nhập khác	31		46.404.868	177.445.551
11. Chi phí khác	32		323.091.137	402.265.000
12. (Lỗ) khác (40=31-32)	40		(276.686.269)	(224.819.449)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		32.353.500.944	9.996.453.368
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	4.624.376.677	1.443.328.520
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		27.729.124.267	8.553.124.848
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	1.728	1.094



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	32.353.500.944	9.996.453.368
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.395.720.740	2.131.117.740
Các khoản dự phòng	03	(1.507.056.137)	1.676.605.673
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(4.290.735.133)	(193.245.715)
Chi phí lãi vay	06	167.700.127	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	31.119.130.541	13.610.931.066
Thay đổi các khoản phải thu	09	21.270.151.855	(1.165.091.445)
Thay đổi hàng tồn kho	10	1.045.526.295	2.320.013.246
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(3.567.195.589)	(274.081.962)
Thay đổi chi phí trả trước	12	8.169.931	(986.294.181)
Tiền lãi vay đã trả	14	(167.700.127)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.005.448.767)	(1.948.675.566)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.850.000)	(21.750.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	47.695.784.139	11.535.051.158
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(986.753.195)	(213.636.364)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	45.454.545	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(183.000.000.000)	(50.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.250.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(250.000.000)	-
6. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.628.674.859	5.745.715
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(95.312.623.791)	(50.207.890.649)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	10.811.962.000	77.800.340.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	25.149.295.113	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(25.149.295.113)	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.750.000.001)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	3.061.961.999	77.800.340.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(44.554.877.653)	39.127.500.509
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	55.938.799.603	16.811.299.094
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	11.383.921.950	55.938.799.603


Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu/Kế toán trưởng


Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Minh Hưng Quảng trị tiền thân là Nhà máy Xi măng Đông Hà được thành lập theo quyết định số 739.QĐ/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị ngày 27 tháng 11 năm 1992 và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2008/QĐ-UBND ngày 25 tháng 10 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3200040982 ngày 11 tháng 09 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị, thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 11 năm 2021.

Công ty trở thành công ty đại chúng ngày 26 tháng 7 năm 2021 theo Công văn số 3922/UBCK-GSĐC của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cùng ngày. Công ty đã niêm yết theo Quyết định Chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 733/QĐ-SGDHCM ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là GMH.

Công ty có trụ sở chính tại Km 8, Quốc lộ 9, phường 4, Thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 404 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 405 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ vật liệu xây dựng: gạch xây, ngói, vôi, đá, cát, sỏi, đất sét);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Chi tiết: Khai thác đá Dolomite);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Chi tiết: Gia công cơ khí);
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét (Chi tiết: Sản xuất gạch xây, ngói);
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Bán buôn, xuất nhập khẩu Clinker, thạch cao; Các sản phẩm phụ gia cho sản xuất xi măng);
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Chế biến khoáng sản, sản xuất bột đá Dolomite);
- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu (Chi tiết: Sản xuất phụ gia cho xi măng);
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Xây dựng công trình thủy;
- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Phá dỡ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Cho thuê xe có động cơ (Chi tiết: Cho thuê xe ô tô);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Chuẩn bị mặt bằng (Chi tiết: San lấp mặt bằng khu công nghiệp).

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, gia công xi măng; sản xuất gạch ngói.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Ảnh hưởng của COVID-19

Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang bùng phát tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhưng Ban Tổng Giám đốc tin rằng vấn đề trên không có tác động trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp đối với tình hình bất ổn này.

Hợp nhất kinh doanh

Trong năm, Công ty thực hiện sáp nhập toàn bộ tài sản và công nợ của Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Minh Hưng (công ty thuộc sở hữu của ông Lê Đình Sung - chủ tịch Công ty) theo Hợp đồng ngày 10 tháng 3 năm 2021.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính và các thuyết minh liên quan là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc sau khi đã loại trừ đi các tổn thất theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 10
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 8
Thiết bị dụng cụ quản lý	6 - 8

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ dụng cụ và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2.002.323.976	9.210.335.636
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9.381.597.974	46.728.463.967
	11.383.921.950	55.938.799.603

5. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<u>Số cuối năm</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	3.434.599.720	(i)	-	-	-	-
<i>Công ty cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3</i>	<i>3.434.599.720</i>	<i>(i)</i>	-	-	-	-

- (i) Công ty nắm giữ 44.275 cổ phần với mệnh giá 100.000 VND/cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Tranh 3 chưa có cổ phiếu giao dịch trên sàn chứng khoán nên Công ty chưa thể đánh giá và thuyết minh giá trị hợp lý.

6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày thực hiện bán theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu với các Công ty Cổ phần chứng khoán. Thời hạn từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày thực hiện bán là dưới 12 tháng. Chi tiết như sau:

Công ty lưu ký	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Lãi suất/năm	VND	Lãi suất	VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	8,5%	32.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers	8,6%	25.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	5,4%	24.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thủ Đô	9,3%	17.000.000.000	-	-
Tổng cộng		98.000.000.000		-

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi nhánh Công ty TNHH TM Số 1 - Nhà máy sản xuất tấm lợp Tâm Châu	2.018.073.500	1.801.890.800
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Gianh	1.048.925.350	1.259.029.200
Công ty Cổ phần Việt Ren	-	3.434.599.720
Khác	7.724.922.501	8.117.111.441
	10.791.921.351	14.612.631.161

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	-	307.770.000
---	---	-------------

8. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển Sáng tạo Công nghệ Cơ điện	99.000.000	42.350.000
Công ty Cổ phần Xi măng VICEM Hải Vân	-	4.459.734.500
Khác	50.400.260	36.560.130
	149.400.260	4.538.644.630

9. NỢ XẤU

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Xây dựng X27	235.730.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Thành Quả	131.854.395	-	95.400.000	-
Công ty TNHH Xây dựng Thuận Hòa	91.825.000	-	91.825.000	-
Công ty Cổ phần Việt Ren	-	-	3.434.599.720	1.717.299.860
Khác	1.160.181.042	322.105.450	1.416.949.287	632.400.043
	1.619.590.437	322.105.450	5.038.774.007	2.349.699.903

Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ đi dự phòng.

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên vật liệu	29.943.637.979	(311.347.031)	31.520.899.047	(426.814.050)
Công cụ, dụng cụ	1.141.749.160	(29.363.477)	278.408.238	(29.363.478)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.685.293.000	-	837.543.025	-
Thành phẩm	16.633.209.044	-	17.812.565.168	-
	49.403.889.183	(340.710.508)	50.449.415.478	(456.177.528)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 340.710.508 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 456.177.528 VND) do giá trị thuần có thể thực hiện tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 ước tính thấp hơn giá gốc.

Trong năm, Công ty hoàn nhập dự phòng hàng tồn kho do đã thanh lý với số tiền là 115.467.020 VND.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	80.198.636	74.044.248
Các khoản chi phí khác	<u>108.156.542</u>	<u>545.235.688</u>
	<u>188.355.178</u>	<u>619.279.936</u>
b. Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	964.017.378	286.083.336
Các khoản chi phí khác	<u>509.512.200</u>	<u>764.691.415</u>
	<u>1.473.529.578</u>	<u>1.050.774.751</u>

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp/</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>VND</u>	<u>trong năm</u>	<u>bù trừ trong năm</u>	<u>VND</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Các khoản phải thu				
Thuế đất, tiền thuê đất	1.470.000	376.452.632	374.982.632	-
Phí, lệ phí, thuế khác	30.000	7.256.611	7.256.611	30.000
	<u>1.500.000</u>	<u>383.709.243</u>	<u>382.239.243</u>	<u>30.000</u>
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	48.399.064	8.387.746.921	7.969.334.136	466.811.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	28.060.267	4.624.376.677	1.630.466.135	3.021.970.809
Thuế thu nhập cá nhân	17.478.000	416.622.653	434.100.653	-
	<u>93.937.331</u>	<u>13.428.746.251</u>	<u>10.033.900.924</u>	<u>3.488.782.658</u>

13. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận tải	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
Số dư đầu năm	36.358.582.337	17.801.187.061	1.223.782.746	16.338.270.387	71.721.822.531
Tăng trong năm	26.193.030.004	9.485.659.025	-	-	35.678.689.029
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(342.744.000)	(342.744.000)
Phân loại lại	(4.535.410.848)	7.259.962.248	(948.782.746)	(1.775.768.654)	-
Giảm khác	(34.662.000)	(11.250.000)	-	-	(45.912.000)
Số dư cuối năm	57.981.539.493	34.535.558.334	275.000.000	14.219.757.733	107.011.855.560
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	35.732.797.798	15.812.133.054	1.223.782.746	13.328.668.866	66.097.382.464
Khấu hao trong năm	2.253.333.042	1.446.430.622	-	874.965.156	4.574.728.820
Giảm khác	-	-	-	(342.744.000)	(342.744.000)
Phân loại lại	(4.535.410.848)	6.440.201.635	(948.782.746)	(956.008.041)	-
Số dư cuối năm	33.450.719.992	23.698.765.311	275.000.000	12.904.881.981	70.329.367.284
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	625.784.539	1.989.054.007	-	3.009.601.521	5.624.440.067
Tại ngày cuối năm	24.530.819.501	10.836.793.023	-	1.314.875.752	36.682.488.276

Nguyên giá của tài sản cổ định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 59.417.376.270 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 55.481.991.838 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhà máy với công nghiệp Minh Hưng	355.254.546	355.254.546
	355.254.546	355.254.546

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	332.242.499	332.242.499	-	-
Công ty TNHH Hòa Đại Phát	231.000.000	231.000.000	355.800.000	355.800.000
Công ty TNHH MTV Phú Vinh Thịnh	-	-	3.229.371.000	3.229.371.000
Công ty TNHH Gạch Tuynel Minh Hưng	-	-	1.110.245.740	1.110.245.740
Các đối tượng khác	626.008.706	626.008.706	1.360.011.109	1.360.011.109
	1.189.251.205	1.189.251.205	6.055.427.849	6.055.427.849

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 27)	125.034.100	125.034.100	4.397.669.740	4.397.669.740
--	-------------	-------------	---------------	---------------

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí công đoàn	394.733.420	294.724.116
Các khoản phải trả khác	105.199.301	289.962.080
	499.932.721	584.686.196

CÔNG TY CỔ PHẦN MINH HƯNG QUẢNG TRỊ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	-	678.000.000	371.000.000	32.234.260.500	83.283.260.500
Tăng vốn trong năm	110.000.000.000	-	-	-	(32.199.660.000)	77.800.340.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	8.553.124.848	8.553.124.848
Số dư cuối năm trước	160.000.000.000	-	678.000.000	371.000.000	8.587.725.348	169.636.725.348
Số dư đầu năm nay	160.000.000.000	-	678.000.000	371.000.000	8.587.725.348	169.636.725.348
Tăng vốn trong năm (i)	5.000.000.000	5.811.962.000	-	-	-	10.811.962.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.729.124.267	27.729.124.267
Chia cổ tức (ii)	-	-	-	-	(7.750.000.001)	(7.750.000.001)
Số dư cuối năm	165.000.000.000	5.811.962.000	678.000.000	371.000.000	28.566.849.614	200.427.811.614

(i) Theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 02 năm 2021 và Văn bản số 8208/UBCK-QLCB ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng với số lượng phát hành thêm 500.000 cổ phiếu.

(ii) Theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ2021 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 27 tháng 02 năm 2021, Công ty chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2020 với tổng số tiền là 7.750.000.001 VND.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 7 ngày 30 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty là 165.000.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 160.000.000.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)	VND
Bà Trần Thiên Như An	17,45%	28.800.000.000	0,00%	-
Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ	14,55%	24.000.000.000	0,00%	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Ông Lê Đình Sung	14,04%	23.161.850.000	49,73%	79.561.850.000
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	13,64%	22.500.000.000	34,86%	55.770.000.000
Ông Lê Đình Minh	5,04%	8.308.360.000	0,00%	-
Cổ đông khác	35,29%	58.229.790.000	15,42%	24.668.150.000
	100%	165.000.000.000	100%	160.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.500.000	16.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.500.000	16.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.500.000	16.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	16.500.000	16.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	530.634.375	489.895.583
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.122.537.500	1.959.582.332
Trên 5 năm	10.673.406.015	11.219.664.703
	13.326.577.890	13.669.142.618

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất tại huyện Vĩnh Linh và huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị với đơn giá tính tiền thuê đất được xác định bởi Cục Thuế tỉnh Quảng Trị theo thời giá. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất đang được ước tính theo giá tiền thuê đất năm 2021 là 530.634.375 VND/năm.

19. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số loại vật liệu xây dựng liên quan. Thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh xi măng, gạch và một số loại vật liệu xây dựng liên quan. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Doanh thu, giá vốn theo từng hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 20 và số 21.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán gạch và bột đá	85.836.305.534	47.588.095.641
Doanh thu bán xi măng	69.474.349.326	69.430.650.133
Doanh thu bán đá xây dựng	8.410.556.775	937.565.453
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.522.229.097	380.527.890
	<u>165.243.440.732</u>	<u>118.336.839.117</u>
Trong đó		
Doanh thu bán hàng với bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 27)	761.977.827	889.101.818

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán gạch và bột đá	64.000.285.693	42.069.289.834
Giá vốn bán xi măng	51.613.202.969	52.726.926.264
Giá vốn đá xây dựng	7.973.266.164	692.941.205
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.293.551.333	432.525.430
	<u>124.880.306.159</u>	<u>95.921.682.733</u>

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.391.150.207	59.453.447.708
Chi phí nhân công	34.060.580.933	26.214.588.244
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.452.278.563	15.579.477.429
Chi phí khấu hao tài sản cố định (Trích lập)/Hoàn nhập chi phí dự phòng	4.395.720.740 (1.507.056.137)	1.510.492.740 1.676.605.673
Chi phí khác	3.638.741.906	2.975.065.882
	<u>128.431.416.212</u>	<u>107.409.677.676</u>

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi trái phiếu	3.881.659.590	-
Lãi tiền gửi, cho vay	409.075.543	193.245.715
	<u>4.290.735.133</u>	<u>193.245.715</u>

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	3.668.235.268	2.471.859.802
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.752.400	935.444.940
Chi phí khác	1.897.168.220	1.599.617.180
	5.633.155.888	5.006.921.922
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	3.563.925.218	2.600.802.444
Thuế, phí và lệ phí	520.179.904	493.670.277
(Hoàn nhập)/Chi phí dự phòng	(1.391.589.117)	1.794.008.954
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.018.272.629	399.172.820
Chi phí khấu hao tài sản cố định	770.464.158	418.339.164
Chi phí khác	1.741.573.686	1.674.213.701
	6.222.826.478	7.380.207.360

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.599.581.131	1.443.328.520
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	24.795.546	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.624.376.677	1.443.328.520

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	32.353.500.944	9.996.453.368
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	788.616.137	402.265.000
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	33.142.117.081	10.398.718.368
<i>Thu nhập chịu thuế suất 20%</i>	32.566.184.784	10.220.260.489
<i>Thu nhập chịu thuế hưởng ưu đãi giảm 50% thuế phải nộp (i)</i>	575.932.297	178.457.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo thuế suất hiện hành	6.570.830.187	2.061.897.886
Giảm thuế (ii)	(1.971.249.056)	(618.569.366)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	4.599.581.131	1.443.328.520

(i) Công ty được miễn thuế hai năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong bốn năm tiếp theo đối với dự án sản xuất gạch không nung kể từ năm 2018. Năm 2021, Công ty áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp với dự án sản xuất gạch không nung.

(ii) Phản ánh khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP ban hành ngày 27 tháng 10 năm 2021 về việc giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2021 không quá 200 tỷ đồng (năm 2020: Nghị định 114/2020/NĐ-CP ban hành ngày 25 tháng 9 năm 2020).

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	27.729.124.267	8.553.124.848
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	27.729.124.267	8.553.124.848
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	16.050.685	7.820.828
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	1.728	1.094

Tại ngày báo cáo tài chính, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2021 và năm 2020. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Lê Đình Sung	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Công ty TNHH Minh Hưng	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Minh Hưng	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Phú Vinh Thịnh	Cùng người quản lý công ty (Ông Nguyễn Văn Tú là thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, đồng thời là chủ sở hữu và người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên Phú Vinh Thịnh)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	761.977.827	889.101.818
Công ty TNHH Minh Hưng	761.977.827	609.310.909
Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Minh Hưng	-	279.790.909
Mua hàng hóa, dịch vụ	22.763.329.405	13.165.879.704
Công ty TNHH một thành viên Phú Vinh Thịnh	14.609.996.136	10.808.127.091
Công ty TNHH Minh Hưng	8.153.333.269	1.247.506.873
Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Minh Hưng	-	1.110.245.740
Cho vay	-	50.000.000.000
Ông Lê Đình Sung	-	50.000.000.000
Thu hồi cho vay	50.000.000.000	-
Ông Lê Đình Sung	50.000.000.000	-
Lãi từ cho vay	363.698.630	-
Ông Lê Đình Sung	363.698.630	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	307.770.000
Công ty TNHH Gạch Tuynel Minh Hưng	-	307.770.000
Phải thu ngắn hạn khác	-	187.500.000
Ông Lê Đình Sung	-	187.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	50.000.000.000
Ông Lê Đình Sung (*)	-	50.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn	125.034.100	4.397.669.740
Công ty TNHH Minh Hưng	125.034.100	58.053.000
Công ty TNHH Gạch Tuynel Minh Hưng	-	1.110.245.740
Công ty TNHH một thành viên Phú Vinh Thịnh	-	3.229.371.000

(*) Trong năm, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền gốc khoản cho vay ông Lê Đình Sung 50.000.000.000 VND đối với ông Lê Đình Sung bằng hình thức bù trừ công nợ 49.750.000.000 VND và thu bằng tiền mặt 250.000.000 VND.

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Hội đồng Quản trị	791.050.067	977.160.599
Ông Lê Đình Sung	410.005.343	402.053.100
Ông Trần Cảnh Bình	84.000.000	84.000.000
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	84.000.000	84.000.000
Bà Lê Thị Diệu Trinh	51.588.380	212.493.441
Ông Phạm Minh Thạnh	48.056.344	194.614.058
Ông Nguyễn Văn Tú	56.700.000	-
Ông Trương Đức Trí	56.700.000	-
Ban Tổng Giám đốc	466.609.615	359.525.789
Ông Trần Cảnh Bình	196.201.946	191.769.310
Bà Phạm Thị Mỹ Liên	169.732.579	167.756.479
Ông Đặng Sĩ Tiếp	100.675.090	-
Ban Kiểm soát	204.000.000	190.000.000
Ông Võ Thanh Sơn	83.000.000	60.000.000
Ông Lê Đức	61.000.000	60.000.000
Ông Phạm Quốc Hải	60.000.000	28.000.000
Ông Nguyễn Đăng Lam	-	42.000.000

28. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

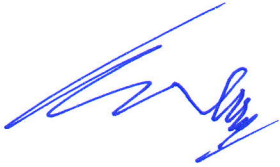
Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác và tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác không bao gồm 49.750.000.000 VND là khoản phải thu về cho vay đã được bù trừ với khoản phải trả về mua cổ phần. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.


Tăng chứng khoán kinh doanh không bao gồm 3.434.599.720 VND là khoản phải thu ngắn hạn khách hàng đã được bù trừ với tăng chứng khoán kinh doanh. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu.

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐQT-GMH của Hội đồng Quản trị ngày 11 tháng 3 năm 2022, Công ty có kế hoạch tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông Công ty với mức 10%/mệnh giá (1.000 VND/cổ phiếu) từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối năm 2021. Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt là ngày 25 tháng 3 năm 2022 và ngày thanh toán là 13 tháng 4 năm 2022.



Nguyễn Bá Hải
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Lê Đình Sung
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 14 tháng 3 năm 2022

